|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-BKHĐT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ**

Kính trình: Chính phủ

Thực hiện Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23/11/2015 (Luật số 89) và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12/11/2021 (Luật số 01) và Nghị định số ……./2022/NĐ-CP ngày …../…../2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Nghị định số …..), Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo việc Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 (Nghị định số 60) như sau:

**I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NGHỊ ĐỊNH SỐ 60**

**1. Tổng quan Nghị định số 60**

Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị định số 60 được ban hành trên cơ sở danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật số 89, Nghị định số 97/2016/QĐ-TTg ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (Nghị định số 97).

Nghị định 60 áp dụng đối với 21 Bộ, ngành bao gồm 114 biểu mẫu, chia thành 2 phần:

- Phần 1: Danh mục biểu mẫu.

- Phần 2: Biểu mẫu báo cáo thống kê và giải thích biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với từng Bộ, ngành.

Số lượng biểu mẫu báo cáo thống kê của từng Bộ, ngành cụ thể như sau:

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường: 07 biểu báo cáo

2. Bộ Khoa học và Công nghệ: 06 biểu báo cáo

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo: 02 biểu báo cáo

4. Bộ Thông tin và Truyền thông: 09 biểu báo cáo

5. Bộ Y tế: 04 biểu báo cáo

6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 05 biểu báo cáo

7. Bộ Nội vụ: 03 biểu báo cáo

8. Văn phòng Quốc hội: 02 biểu báo cáo

9. Bộ Tư pháp: 06 biểu báo cáo

10. Bộ Công an: 03 biểu báo cáo

11. Bộ Quốc phòng: 05 biểu báo cáo

12. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao: 03 biểu báo cáo

13. Tòa án nhân dân tối cao: 02 biểu báo cáo

14. Ban tổ chức Trung ương Đảng: 01 biểu báo cáo

15. Bộ Tài chính: 27 biểu báo cáo

16. Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 08 biểu báo cáo

17. Bảo hiểm xã hội Việt Nam: 06 biểu báo cáo

18. Bộ Giao thông vận tải: 03 biểu báo cáo

19. Bộ Công Thương: 04 biểu báo cáo

20. Bộ Xây dựng: 02 biểu báo cáo

21. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: 06 biểu báo cáo

**2. Kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 60**

Nghị định số 60 bao gồm 114 biểu đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu thống kê quốc gia phân công cho Bộ, ngành thu thập. Ngoài ra, chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia là nguồn thông tin đầu vào để Tổng cục Thống kê tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia do Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện. Nghị định số 60 ngay sau khi ban hành các Bộ, ngành đã thực hiện báo cáo đầy đủ, nghiêm túc. Cụ thể như sau:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện báo cáo 07 biểu:

+ Biểu số 001.N/BCB-TNMT - Hiện trạng sử dụng đất chia theo đối tượng sử dụng, quản lý; Biểu số 002.N/BCB-TNMT - Hiện trạng sử dụng đất chia theo tỉnh/thành phố; Biểu số 003.N/BCB-TNMT - Cơ cấu sử dụng đất chia theo tỉnh/thành phố thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0101 - Diện tích đất và cơ cấu đất.

+ Biểu số 004.N/BCB-TNMT - Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 2005 - Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên (Báo cáo chưa đầy đủ phân tổ).

+ Biểu số 005.N/BCB-TNMT - Diện tích đất bị thoái hóa chia theo tỉnh/thành phố thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 2006 - Diện tích đất bị thoái hóa (Báo cáo chưa đầy đủ phân tổ).

+ Biểu số 006.N/BCB-TNMT - Tỷ lệ chất thải nguy hại đã được thu gom và xử lý thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 2007 - Tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý (Báo cáo chưa đầy đủ phân tổ).

+ Biểu số 007.N/BCB-TNMT - Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 2008 - Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người.

- Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện báo cáo 06 biểu:

+ Biểu số 001.N/BCB-KHCN - Số tổ chức khoa học và công nghệ thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1401 - Số tổ chức khoa học và công nghệ.

+ Biểu số 002.N/BCB-KHCN - Số người trong các tổ chức khoa học và công nghệ thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1402 - Số người trong các tổ chức khoa học và công nghệ.

+ Biểu số 003.N/BCB-KHCN - Số người hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1403 - Số người hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

+ Biểu số 004.N/BCB-KHCN - Số sáng chế được cấp bằng bảo hộ thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1404 - Số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ (Báo cáo chưa đầy đủ phân tổ).

+ Biểu số 005.N/BCB-KHCN - Chỉ số đổi mới công nghệ, thiết bị thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1405 - Chỉ số đổi mới công nghệ, thiết bị (Chưa thu thập tổng hợp).

+ Biểu số 006.N/BCB-KHCN - Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1407 - Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện báo cáo 02 biểu: Biểu số 001.N/BCB-GDĐT - Giáo viên, học sinh giáo dục phổ thông; Biểu số 002.N/BCB-GDĐT - Giáo viên, học sinh và lớp học giáo dục phổ thông chia theo tỉnh, thành phố thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1501 - Số học sinh phổ thông bình quân một giáo viên, mã số 1502 - Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học và mã số 1503 - Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông.

- Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện báo cáo 09 biểu:

+ Biểu số 001.H/BCB-TTTT - Doanh thu dịch vụ bưu chính thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1301 - Doanh thu bưu chính, chuyển phát.

+ Biểu số 002.H/BCB-TTTT - Sản lượng dịch vụ bưu chính thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1302 - Sản lượng bưu chính, chuyển phát.

+ Biểu số 003.Q/BCB-TTTT - Doanh thu dịch vụ viễn thông; Biểu số 004.N/BCB-TTTT - Doanh thu dịch vụ viễn thông chia theo loại hình kinh tế thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1303 - Doanh thu viễn thông.

+ Biểu số 005.H/BCB-TTTT - Số thuê bao điện thoại, thuê bao truy nhập internet; Biểu số 006.N/BCB-TTTT - Số thuê bao điện thoại, thuê bao truy nhập internet chia theo tỉnh/thành phố thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1304 - Số lượng thuê bao điện thoại và mã số 1307 - Số lượng thuê bao truy nhập Internet. Trong đó chỉ tiêu mã số 1307 - Số lượng thuê bao truy nhập Internet chưa thu thập, tổng hợp đầy đủ phân tổ.

+ Biểu số 007.N/BCB-TTTT - Số người sử dụng điện thoại di động, internet; Số gia đình có kết nối internet thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1305 - Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động, mã số 1306 - Tỷ lệ người sử dụng dịch vụ Internet và mã số 1308 - Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet. Trong đó chỉ tiêu mã số 1305 - Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động chưa thu thập, tổng hợp đầy đủ phân tổ.

+ Biểu số 008.N/BCB-TTTT - Dung lượng kết nối internet quốc tế thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1310 - Dung lượng kết nối Internet quốc tế bình quân một trăm dân.

+ Biểu số 009.N/BCB-TTTT - Doanh thu công nghệ thông tin thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1311 - Doanh thu công nghệ thông tin chưa thu thập, tổng hợp đầy đủ phân tổ.

- Bộ Y tế thực hiện báo cáo 04 biểu:

+ Biểu số 001.N/BCB-YT - Bác sĩ và giường bệnh thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1601 - Số bác sĩ, số giường bệnh trên mười nghìn dân (Báo cáo chưa đầy đủ phân tổ).

+ Biểu số 002.N/BCB-YT - Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1605 - Tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin.

+ Biểu số 003.N/BCB-YT - Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1606 - Tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi suy dinh dưỡng.

+ Biểu số 004.N/BCB-YT - HIV và AIDS thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1607 - Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân, mã số 1608 - Số ca tử vong do HIV/AIDS được báo cáo hàng năm trên một trăm nghìn dân.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện báo cáo 05 biểu:

+ Biểu số 001.N/BCB-VHTTDL - Số di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; Biểu số 002.N/BCB-VHTTDL - Số di sản văn hóa phi vật thể thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1701 - Số di sản văn hóa cấp quốc gia.

+ Biểu số 003.N/BCB-VHTTDL - Huy chương thi đấu thể thao quốc tế
(Các môn thi đấu cá nhân); Biểu số 004.N/BCB-VHTTDL - Huy chương thi đấu thể thao quốc tế (Các môn thi đấu có nội dung tập thể) thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1702 - Số huy chương trong các kỳ thi đấu quốc tế.

+ Biểu số 005.H/BCB-VHTTDL - Số lượt khách du lịch nội địa thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1706 - Số lượt khách du lịch nội địa.

- Bộ Nội vụ thực hiện báo cáo 03 biểu:

+ Biểu số 001.K/BCB-NV - Đại biểu Hội đồng nhân dân thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0210 - Tỷ lệ nữ đại biểu hội đồng nhân dân.

+ Biểu số 002.N/BCB-NV - Tổng số lãnh đạo chính quyền thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0211 - Tỷ lệ nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền.

+ Biểu số 003.N/BCB-NV - Số cơ sở, lao động trong các cơ sở hành chính thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0302 - Số cơ sở, lao động trong các cơ sở hành chính.

Trong đó, Biểu số 003.N/BCB-NV Bộ Nội vụ đang tổng hợp và gửi báo cáo đến Tổng cục Thống kê trước ngày 31/3/2022.

- Văn phòng Quốc hội thực hiện báo cáo 02 biểu:

+ Biểu số 001.K/BCB-VPQH - Đại biểu Quốc hội thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0209 - Tỷ lệ nữ đại biểu quốc hội.

+ Biểu số 002.N/BCB-VPQH - Số lãnh đạo trong Quốc hội thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0211 - Tỷ lệ nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền.

- Bộ Tư pháp thực hiện báo cáo 06 biểu:

+ Biểu số 001.N/BCB-TP - Số cuộc kết hôn thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0111- Số cuộc kết hôn và tuổi kết hôn trung bình lần đầu.

+ Biểu số 002.N/BCB-TP - Số trẻ em dưới 5 tuổi đã được đăng ký khai sinh thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0112 - Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh

+ Biểu số 003.N/BCB-TP - Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0113 - Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử.

+ Biểu số 004.N/BCB-TP - Số lượt người được trợ giúp pháp lý thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1907 - Số lượt người được trợ giúp pháp lý.

+ Biểu số 005.N/BCB-TP - Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc là một phân tổ của chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1908 - Kết quả thi hành án dân sự (Báo cáo chưa đầy đủ phân tổ).

+ Biểu số 006.N/BCB-TP - Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền là một phân tổ của chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1908 - Kết quả thi hành án dân sự (Báo cáo chưa đầy đủ phân tổ).

- Bộ Công an thực hiện báo cáo 03 biểu:

+ Biểu số 001.H/BCB-CA - Xuất, nhập cảnh Việt Nam theo đường hàng không thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1704 - Số lượt người nước ngoài đến Việt Nam, mã số 1705 - Số lượt người Việt Nam ra nước ngoài.

+ Biểu số 002.H/BCB-CA - Tai nạn giao thông thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1901 - Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông.

 + Biểu số 003.H/BCB-CA - Tình hình cháy nổ thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1902 - Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại.

- Bộ Quốc phòng thực hiện báo cáo 05 biểu: Biểu số 001.T/BCB-QP - Xuất nhập cảnh tuyến đường bộ Việt Nam - Trung Quốc; 002.T/BCB-QP - Xuất nhập cảnh tuyến đường sắt Việt Nam - Trung Quốc; 003.T/BCB-QP - Xuất nhập cảnh tuyến Việt Nam - Lào; 004.T/BCB-QP - Xuất nhập cảnh tuyến Việt Nam - Campuchia; 005.T/BCB-QP - Xuất nhập cảnh tuyến cảng biển thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1704 - Số lượt người nước ngoài đến Việt Nam, mã số 1705 - Số lượt người Việt Nam ra nước ngoài.

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện báo cáo 03 biểu:

+ Biểu số 001.H/BCB-VKSNDTC - Số vụ án, số bị can đã khởi tố thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1903 - Số vụ án, số bị can đã khởi tố.

+ Biểu số 002.H/BCB-VKSNDTC - Số vụ án, số bị can đã truy tố thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1904 - Số vụ án, số bị can đã truy tố.

+ Biểu số 003.N/BCB-VKSNDTC - Lãnh đạo trong ngành kiểm sát thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0211 - Tỷ lệ nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền.

- Tòa án nhân dân tối cao thực hiện báo cáo 02 biểu:

+ Biểu số 001.N/BCB-TANDTC - Số vụ đã xét xử, số bị cáo (số người phạm tội) thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1905 - Số vụ, số người phạm tội đã bị kết án.

+ Biểu số 002.N/BCB-TANDTC - Lãnh đạo ngành tòa án thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0211 - Tỷ lệ nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền (Chưa thu thập tổng hợp).

- Ban tổ chức Trung ương Đảng thực hiện báo cáo 01 biểu: Biểu số 001.K/BCB-TWĐ - Số người tham gia cấp ủy Đảng thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0208 - Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng.

- Bộ Tài chính thực hiện báo cáo 27 biểu:

+ Biểu số 001.H/BCB-TC - Tình hình thực hiện thu ngân sách Nhà nước; Biểu số 002.H/BCB-TC - Tình hình thực hiện chi ngân sách Nhà nước; Biểu số 003.N/BCB-TC - Thu ngân sách nhà nước và cơ cấu thu; Biểu số 004.N/BCB-TC - Chi ngân sách nhà nước và cơ cấu chi; Biểu số 005.N/BCB-TC - Thu, chi cân đối ngân sách nhà nước của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Biểu số 006.H/BCB-TC - Tình hình thực hiện cân đối ngân sách Nhà nước; Biểu số 007.N/BCB-TC - Thu ngân sách Nhà nước theo ngành, loại hình kinh tế; Biểu số 008.N/BCB-TC - Chi ngân sách nhà nước theo ngành kinh tế; Biểu số 025.H/BCB-TC - Thu ngân sách trên địa bàn chia theo tỉnh, thành phố; Biểu số 026.H/BCB-TC - Chi thường xuyên ngân sách trên địa bàn chia theo tỉnh, thành phố thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0601 - Thu và cơ cấu thu chi Ngân sách Nhà nước, mã số 0604 - Chi và cơ cấu chi Ngân sách Nhà nước và mã số 0606 - Bội chi Ngân sách Nhà nước. Trong đó, biểu số 001.H/BCB-TC, Biểu số 002.H/BCB-TC, Biểu số 004.N/BCB-TC, Biểu số 005.N/BCB-TC và Biểu số 006.H/BCB-TC (Báo cáo chưa đầy đủ phân tổ). Riêng Biểu số 007.N/BCB-TC, Biểu số 008.N/BCB-TC (Chưa thu thập tổng hợp).

+ Biểu số 009.N/BCB-TC - Vay và trả nợ của Chính phủ; Biểu số 010.N/BCB-TC - Vay và trả nợ nước ngoài của Quốc gia và Biểu số 011.N/BCB-TC - Vay và trả nợ công thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0608 - Dư nợ của Chính phủ, mã số 0609 - Dư nợ nước ngoài của Quốc gia và mã số 0610 - Dư nợ công.

+ Biểu số 012.N/BCB-TC - Doanh thu phí, tổng chi hoạt động kinh doanh
và môi giới bảo hiểm; Biểu số 027.H/BCB-TC - Số lao động của thị trường bảo hiểm chia theo tỉnh, thành phố thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0711 - Tổng thu phí, chi trả bảo hiểm (Báo cáo chưa đầy đủ phân tổ).

+ Biểu số 013.K/BCB-TC - Xuất khẩu hàng hoá; Biểu số 014.K/BCB-TC - Nhập khẩu hàng hoá; Biểu số 015.T/BCB-TC - Xuất khẩu hàng hoá; Biểu số 016.T/BCB-TC - Nhập khẩu hàng hoá; Biểu số 017.T/BCB-TC - Xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); Biểu số 018.T/BCB-TC - Nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); Biểu số 019.T/BCB-TC - Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu chia theo tỉnh, thành phố; Biểu số 020.T/BCB-TC - Xuất khẩu sang một số nước, vùng lãnh thổ chia theo mặt hàng chủ yếu; Biểu số 021.T/BCB-TC - Nhập khẩu từ một số nước, vùng lãnh thổ chia theo mặt hàng chủ yếu; Biểu số 022.H/BCB-TC - Xuất khẩu hàng hoá; Biểu số 023.H/BCB-TC - Nhập khẩu hàng hoá và Biểu số 024.H/BCB-TC - Hàng hóa tái xuất khẩu thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1005 - Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu và mã số 1006 - Mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện báo cáo 08 biểu:

+ Biểu số 001.H/BCB-NHNN - Tổng phương tiện thanh toán; tiền gửi và tốc độ tăng (giảm) thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0701 - Tổng phương tiện thanh toán, mã số 0702 - Tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán và mã số 0703 - Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng.

+ Biểu số 002.H/BCB-NHNN - Số dư huy động vốn, dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (chia theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); Biểu số 003.H/BCB-NHNN - Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (chia theo kỳ hạn, loại tiền); Biểu số 004.H/BCB-NHNN - Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (chia theo loại hình kinh tế) và Biểu số 005.H/BCB-NHNN - Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (chia theo ngành kinh tế) thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0703 - Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, mã số 0704 - Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng và mã số 0705 - Tốc độ tăng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng.

+ Biểu số 006.H/BCB-NHNN - Lãi suất thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0706 - Lãi suất.

+ Biểu số 007.H/BCB-NHNN - Cán cân thanh toán quốc tế thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0707 - Cán cân thanh toán quốc tế và mã số 0709 - Vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam và Việt Nam ra nước ngoài.

+ Biểu số 008.H/BCB-NHNN - Tỷ giá hối đoái bình quân giữa VNĐ và USD thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0710 - Tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng của Đồng Việt Nam (VND) với Đô la Mỹ (USD).

- Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện báo cáo 06 biểu:

+ Biểu số 001.N/BCB-BHXH - Số người đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; Biểu số 002.N/BCB-BHXH - Số người đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế chia theo tỉnh, thành phố thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0712 - Số người đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

+ Biểu số 003.N/BCB-BHXH - Số người hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; Biểu số 004.N/BCB-BHXH - Số người hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế chia theo tỉnh, thành phố thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0713 - Số người hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

+ Biểu số 005.N/BCB-BHXH - Thu, chi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; Biểu số 006.Q/BCB-BHXH - Thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế chia theo tỉnh, thành phố thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0714 - Thu, chi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

- Bộ Giao thông vận tải thực hiện báo cáo 03 biểu:

+ Biểu số 001.H/BCB-GTVT - Khối lượng hàng hóa thông qua cảng thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1204 - Khối lượng hàng hóa thông qua cảng.

+ Biểu số 002.N/BCB-GTVT - Số lượng và năng lực bốc xếp của cảng thủy nội địa thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1205 - Số lượng, năng lực bốc xếp hiện có và mới tăng của cảng thủy nội địa (Chưa thu thập tổng hợp).

+ Biểu số 003.N/BCB-GTVT - Số lượng, năng lực vận chuyển hiện có và mới tăng của cảng hàng không, sân bay thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1206 - Số lượng, năng lực vận chuyển hiện có và mới tăng của cảng hàng không (Chưa thu thập tổng hợp).

- Bộ Công Thương thực hiện báo cáo 04 biểu:

+ Biểu số 001.N/BCB-CT - Số lượng chợ; Biểu số 002.N/BCB-CT - Số lượng siêu thị, trung tâm thương mại thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1004 - Số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại.

+ Biểu số 003.2N/BCB-CT - Số đơn vị có giao dịch thương mại điện tử thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1309 - Số đơn vị có giao dịch thương mại điện tử.

+ Biểu số 004.2N/BCB-CT - Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0907 - Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp.

- Bộ Xây dựng thực hiện báo cáo báo đầy đủ 02 biểu:

+ Biểu số 001.H/BCB-XD - Chỉ số giá xây dựng thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1206 - Chỉ số giá xây dựng.

+ Biểu số 002N/BC-BXD - Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1806 - Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện báo cáo 06 biểu:

+ 001.N/BCB-NNPTNT - Diện tích có rừng thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 2001 - Diện tích rừng hiện có.

+ Biểu số 002.N/BCB-NNPTNT - Tỷ lệ che phủ rừng thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 2003 - Tỷ lệ che phủ rừng.

+ Biểu số 003.H/BCB-NNPTNT - Diện tích rừng được bảo vệ chia theo mục đích sử dụng và tỉnh, thành phố; Biểu số 004.N/BCB-NNPTNT - Diện tích rừng được bảo vệ chia theo loại hình kinh tế và tỉnh, thành phố thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 2002 - Diện tích rừng được bảo vệ.

+ Biểu số 005.H/BCB-NNPTNT - Thiên tai và mức độ thiệt hại theo tỉnh, thành phố; Biểu số 006.H/BCB-NNPTNT - Thiên tai và mức độ thiệt hại theo loại thiên tai thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 2004 - Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại.

Như vậy, số lượng các biểu mẫu thống kê quy định theo Nghị định số 60 về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu thông tin thống kê phân công cho Bộ, ngành và Tổng cục Thống kê biên soạn, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia theo Nghị định số 97. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 60 cũng còn một số những hạn chế cụ thể như: Một số Bộ, ngành làm báo cáo với chất lượng chưa cao, một số biểu mẫu thu thập các chỉ tiêu thống kê chưa đầy đủ các phân tổ và một số biểu mẫu thống kê chưa thu thập, tổng hợp được theo quy định. Do đó, thông tin thống kê do Bộ, ngành chủ trì thực hiện được phân công theo Nghị định số 97 chưa bảo đảm để Tổng cục Thống kê công bố theo quy định do một số nguyên nhân sau:

- Một số Bộ, ngành chậm ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê, chế độ báo cáo thống kê của Bộ, ngành và chưa tổ chức triển khai thực hiện các cuộc điều tra thống kê được phân công trong chương trình điều tra thống kê quốc gia. Vì vậy, chưa có nguồn thông tin phục vụ tổng hợp, biên soạn chỉ tiêu thống kê trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia để thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo Nghị định số 60.

- Mô hình tổ chức thống kê Bộ, ngành hiện nay chưa có mô hình tổ chức thống kê tại địa phương và nguồn lực thực hiện công tác thống kê của các Bộ, ngành còn hạn chế, người làm công tác thống kê còn kiêm nhiệm, chưa có nguồn nhân lực đào tạo về chuyên ngành thống kê, chưa có kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hiện thu thập các thông tin thống kê.

- Sự quan tâm của Lãnh đạo đối với công tác thống kê Bộ, ngành còn chưa tương xứng với chức năng nhiệm vụ.

**II. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, BẤT CẬP**

- Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 60 đã bộc lộ một số vướng mắc, bất cập so với thực tiễn và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (Luật số 01, Nghị định số …..) mới ban hành, cụ thể như sau:

- Luật số 01 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua kèm theo danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia, bao gồm 230 chỉ tiêu thống kê. Do đó, để thu thập tổng hợp, biên soạn 230 chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật số 01, Nghị định quy định Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia cần phải ban hành thay thế Nghị định số 60.

- Theo Nghị định số ….. và khoản 5 Điều 17 của Luật số 89 quy định “Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia là cơ sở phân công, phối hợp giữa các Bộ, ngành trong việc xây dựng chương trình điều tra thống kê quốc gia, sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê, chế độ báo cáo thống kê và chương trình khác có liên quan đến hoạt động thống kê”. Vì vậy, Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia cần phải ban hành thay thế để bảo đảm theo quy định được phân công.

- Một số bất cập trong quá trình triển khai thực hiện như:

+ Bộ Tư pháp: Đối với các biểu mẫu “Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc” và “Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền”, việc báo cáo đầy đủ đến các phân tổ “Chia theo cơ quan thi hành án” chưa đảm bảo tính khả thi vì số lượng trường thông tin quá lớn, khó thể hiện được hết các thông tin trên bảng biểu.

+ Bộ Tài nguyên và Môi trường: Các chỉ tiêu thống kê giao cho Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện liên quan đến nhiều Bộ, ngành nên khi triển khai thực hiện còn khó khăn, như: Chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số “2007 - Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý”, về chức năng nhiệm vụ quản lý, cấp phép xử lý chất thải nguy hại giao cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, tuy nhiên về chủ thể nguồn thải do các Bộ, ngành liên quan quản lý (Bộ Y tế quản lý đối với chất thải y tế nguy hại; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý với chất thải nguy hại nông thôn; Bộ Công Thương quản lý đối với chất thải nguy hại công nghiệp;…); chỉ tiêu quốc gia mã số 2005 - Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên”, trong thực tế có trường hợp khu bảo tồn thiên nhiên nằm trên địa phận của nhiều tỉnh, thành phố song chưa có hướng dẫn cụ thể về trách nhiệm, phương pháp thống kê”.

+ Bộ Nội vụ: Phần mềm gửi báo cáo thống kê chưa hoàn thiện để áp dụng thống nhất.

+ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

Về kỳ báo cáo: Đối với các biểu mẫu báo cáo (Biểu số 001.H/BCB-NHNN; Biểu số 002.H/BCB-NHNN; Biểu số 003.H/BCB-NHNN; Biểu số 004.H/BCB-NHNN; Biểu số 005.H/BCB-NHNN; Biểu số 006.H/BCB-NHNN) theo yêu cầu báo cáo quý, năm. Tuy nhiên, số liệu tiền tệ là số liệu thời điểm, do đó, số liệu năm cũng chính là số liệu quý IV của năm báo cáo. Vì vậy, việc quy định kỳ báo cáo là quý, năm đối với các biểu mẫu này sẽ bị trùng lặp số liệu gây gánh nặng cho đơn vị thực hiện báo cáo.

Về khái niệm, phương pháp tính của một số chỉ tiêu không phù hợp thực tế hiện nay, cụ thể: Chỉ tiêu “Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” của Biểu số 002.H/BCB-NHNN và chỉ tiêu “Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” của Biểu số 002.H/BCB-NHNN, Biểu số 003.H/BCB-NHNN, Biểu số 004.H/BCB-NHNN, Biểu số 002.H/BCB-NHNN đang thu thập không bao gồm các tổ chức tài chính khác không phải tổ chức tín dụng, do hiện nay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang tổng hợp số liệu huy động vốn, dư nợ tín dụng bao gồm cả các tổ chức tài chính khác không phải tổ chức tín dụng. Vì vậy, không còn phù hợp và thống nhất.

Về mẫu biểu báo cáo: Biểu số 002.H/BCB-NHNN “Số dư huy động vốn, dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” chia theo tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, hiện nay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang tổng hợp số liệu từ các chi nhánh của các tổ chức tín dụng trên địa bàn (bao gồm cả các khách hàng trong và ngoài địa bàn tỉnh, thành phố). Vì vậy, số liệu tổng hợp không phản ánh chính xác việc huy động vốn và cho vay đối với các đối tượng là khách hàng trên địa bàn.

+ Bộ Xây dựng: Thời gian gửi báo cáo chưa phù hợp do số liệu tổng hợp theo quý, tuy nhiên thông tin thu thập để tổng hợp chỉ tiêu theo quý chỉ thu thập được 2 tháng đầu của quý báo cáo nên kết quả chưa đầy đủ.

+ Ban Tổ chức Trung ương: Một số chỉ tiêu thống kê trong Biểu số 001.K/BCB-TWĐ về số người tham gia cấp ủy cần cập nhật và bám sát hơn nữa các Chỉ thị, quy định, hướng dẫn của Trung ương, thời điểm gửi báo cáo chưa rõ ràng, chỉ quy định chung là đầu nhiệm kỳ, dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện gửi báo cáo.

+ Bộ Công an: Biểu số 002.H/BCB-CA thu thập chỉ tiêu tai nạn giao thông chỉ có 3 tiêu chí (số vụ, số người chết, số người bị thương) chưa phản ánh được đầy đủ bản chất, mức độ an toàn giao thông, khó so sánh giữa các vùng, miền và giữa các quốc gia với nhau, chỉ so sánh cơ học nên cần bổ sung biểu mẫu để thu thập thông tin để phản ánh mức độ an toàn giao thông trong mối liên hệ với quy mô dân số, phương tiện giao thông, km đường và lượt phương tiện lưu thông trên đường. Bên cạnh đó, tiêu chí xác định số người chết, số người bị thương giữa các Bộ, ngành chưa rõ ràng và thống nhất nên số liệu thống kê còn có sự khác nhau.

+ Bảo hiểm xã hội Việt Nam: Về thời gian gửi báo cáo, theo quy định Biểu số 001.N/BCB-BHXH; Biểu số 002.N/BCB-BHXH; Biểu số 003.N/BCB-BHXH; Biểu số 004.N/BCB-BHXH thời gian gửi báo cáo trước ngày 30 tháng 6 năm sau năm báo cáo; Biểu số 005.N/BCB-BHXH thời gian gửi báo cáo trước ngày 30 tháng 9 năm sau năm báo cáo. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm, Bảo hiểm xã hội Việt Nam gửi báo cáo quyết toán tài chính về Bộ Tài chính trước ngày 01 tháng 10 năm sau. Vì vậy, số liệu tại các biểu: 001.N/BCB-BHXH; 002.N/BCB-BHXH; 003.N/BCB-BHXH; 004.N/BCB-BHXH chưa phải là số chính thức và Biểu số 005.N/BCB-BHXH được tổng hợp trên số báo cáo quyết toán hằng năm nên phải phụ thuộc thời gian hoàn thành báo cáo quyết toán năm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

+ Bộ Tài chính: Một số chỉ tiêu thống kê theo yêu cầu của biểu mẫu báo cáo, Bộ Tài chính không thể thực hiện được theo một số phân tổ theo quy định do có sự khác biệt giữa quản lý chuyên ngành và phân tổ thống kê quy định, như phân tổ theo ngành kinh tế, tỉnh, thành phố. Thời điểm thực hiện báo cáo của một số biểu mẫu chưa phù hợp, một số biểu mẫu báo cáo tháng quy định là ngày 25 hàng tháng, quý quy định 25 tháng cuối quý báo cáo nên chưa phản ánh được toàn diện, sát thực tế, báo cáo năm hiện nay báo cáo 02 lần tại các kỳ hợp Quốc hội: Báo cáo ước thực hiện tại kỳ họp Quốc hội tháng 10 năm hiện hành và báo cáo đánh giá bổ sung tại kỳ họp Quốc hội tháng 5 năm sau. Vì vậy, tại thời điểm quy định báo cáo (sau 05 ngày kết thúc năm), số liệu thu chi ngân sách đã có nhiều thay đổi so với số liệu đã báo cáo Quốc hội tại thời điểm tháng 10. Hiện nay, dữ liệu trên hệ thống Kho thu chi Ngân sách Nhà nước được cập nhật hàng ngày nên việc khai thác thông tin ước thực hiện trước một thời gian ngắn như quy định tại Nghị định 60 không còn phù hợp.

Trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê có sự thay đổi (Luật số 01, Nghị định số …..) và những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện, đòi hỏi Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia phải được xây dựng mới cho phù hợp.

**III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Qua quá trình tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 60, Báo cáo đề xuất, kiến nghị như sau:

- Rà soát sửa đổi các biểu mẫu thống kê cho phù hợp thực tiễn, bổ sung nội dung thông tin thu thập để phục vụ biên soạn, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê ban hành theo Luật số 01 và Nghị định số …. để xây dựng chế độ báo cáo thống kê quốc gia thay thế Nghị định số 60.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê, hoàn thiện phần mềm truyền, gửi báo cáo để các bộ, ngành triển khai thực hiện thống nhất, nhằm giảm bớt thủ tục và tiết kiệm chi phí hành chính.

- Tăng cường công tác phối hợp chia sẻ thông tin thống kê giữa Tổng cục Thống kê và Bộ, ngành nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy thống kê tại các Bộ, ngành theo tinh thần của Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19/7/2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê Bộ, ngành.

- Thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ làm công tác thống
kê bộ ngành và địa phương nhằm thống nhất trong triển khai thực hiện và nâng
cao chất lượng, hiệu quả công tác thống kê.

- Các Bộ, ngành tăng cường nguồn lực cho tống kê (cả về nhân lực và kinh phí thực hiện), đặc biệt kinh phí thực hiện thu thập thông tin thống kê đầu vào phục vụ biên soạn, tổng hợp chỉ tiêu thống kê từ các cuộc điều tra thống kê quy định trong chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị định số 60, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin báo cáo Chính phủ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo); - Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp;- Lãnh đạo Bộ;- Vụ Pháp chế Bộ;- Văn phòng Bộ (Phòng KSTH);- Lưu: VT, TCTK. | **BỘ TRƯỞNG****Nguyễn Chí Dũng** |